



KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

6 tháng đầu năm 2026

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu 6 tháng đầu năm 2026
(so với cùng kỳ)

GRDP 6 tháng: ▲6,70%

Chỉ số sản xuất
công nghiệp (IIP)



▲8,8%

Vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn



▲4,5%

Tổng mức bán lẻ và doanh
thu dịch vụ tiêu dùng



▲18,0%

Doanh thu vận tải, kho bãi
và dịch vụ hỗ trợ vận tải



▲22,2%

Chỉ số giá tiêu
dùng bình quân



▲3,70%

Diện tích gieo trồng lúa
đông xuân đến ngày
20/6/2026



▼0,9%

TỐC ĐỘ TĂNG GRDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(so với cùng kỳ)

▲6,70%

● Nông, lâm nghiệp và thủy sản

▲4,47%



● Công nghiệp và xây dựng

▲6,49%



● Dịch vụ

▲7,64%



● Thuế SP trừ trợ cấp SP

▲7,60%



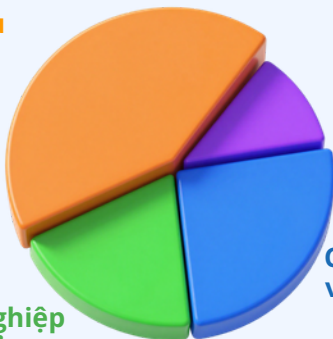
CƠ CẤU GRDP

Dịch vụ
47,19%

Thuế SP
5,87%

Nông, lâm nghiệp
và thủy sản
18,40%

Công nghiệp
và xây dựng
28,54%



CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

6 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ)

▲ 8,8%



Trong đó:

Chế biến, chế tạo

▲ 9,7%

Sản xuất & phân phối điện

▼ 1,3%

Cung cấp nước; xử lý rác thải, nước thải

▲ 2,1%

Một số ngành trọng điểm

Sản xuất đồ uống

▲ 3,8%

Sản xuất, chế biến thực phẩm

▲ 8,6%

Sản xuất trang phục

▲ 7,3%

Gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ

▲ 27,8%

Sản xuất da

▼ 2,9%



VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THEO GIÁ HIỆN HÀNH

6 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ)

Vốn đầu tư thực hiện:
39.200,7 tỷ đồng ▲4,5%



Vốn nhà nước: 13.129,1 tỷ đồng ▼11,1%

Vốn ngoài nhà nước: 24.330,4 tỷ đồng ▲12,1%

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: 1.741,2 tỷ đồng ▲68,9%

DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ MỚI



Số DN đăng ký mới: 2.448 Doanh nghiệp ▲14,7%

Tổng vốn đăng ký: 12.192,3 tỷ đồng ▼5,6%

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

6 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ)

126.715,9 tỷ đồng ▲18,0%

Bán lẻ hàng hóa: 97.817,7 tỷ đồng ▲20,0%



Lưu trú, ăn uống: 16.396,2 tỷ đồng ▲11,8%



Du lịch lữ hành: 314,0 tỷ đồng ▼2,3%



Dịch vụ khác: 12.215,0 tỷ đồng ▲12,2%



DOANH THU VẬN TẢI

6 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ)

7.585,6 tỷ đồng ▲22,2%



Trong đó:

Vận tải hành khách: 2.791,9 tỷ đồng

▲31,9%



Vận tải hàng hóa: 3.780,4 tỷ đồng

▲13,6%



Dịch vụ hỗ trợ vận tải: 783,7 tỷ đồng

▲21,3%



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)

6 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ)

Bình quân 6 tháng đầu năm 2026,
CPI ▲3,70% so với bình quân cùng kỳ



Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	▲2,38%
Đồ uống và thuốc lá	▲1,89%
May mặc, mũ nón, giày dép	▲1,79%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	▲7,67%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	▲1,31%
Thuốc và dịch vụ y tế	▲6,28%
Giao thông	▲5,19%
Thông tin và truyền thông	▼0,36%
Giáo dục	▲2,02%
Văn hóa, giải trí và du lịch	▲0,30%
Hàng hóa và dịch vụ khác	▲4,66%

Chỉ số vàng và USD

Vàng: ▲62,62%

USD: ▲1,95%



NÔNG NGHIỆP

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY HÀNG NĂM

Tính đến 20 tháng 6 năm 2026 (so với cùng kỳ)

Lúa đông xuân: 324.524,3 ha

▼0,9%



Khoai lang: 163 ha

▲2,5%



Bắp: 3.211 ha

▲1,7%



Rau đậu các loại: 36.270 ha

▲2,6%



CHĂN NUÔI

6 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ)

Đàn gia cầm: 17,2 triệu con

▲10,5%



Đàn heo: 507,6 nghìn con

▲4,1%



Đàn bò: 56.591 con

▼10,0%



Đàn trâu: 3.974 con

▼3,4%



LÂM NGHIỆP & THỦY SẢN

6 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ)

LÂM NGHIỆP

Trồng cây phân tán: 1,3 triệu cây

▼0,9%

Sản lượng gỗ: 45.692 m³

▲0,4%



SẢN LƯỢNG THỦY SẢN

Tổng sản lượng: 349.914 tấn

▲6,1%

Nuôi trồng: 309.914 tấn

▲6,1%

Khai thác: 40.000 tấn

▲6,2%

